



CÔNG TY CỔ PHẦN PURE GLOBAL

Trụ sở chính: 30 Lê Vĩnh Hòa, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, Tp.HCM

Nhà máy: Thửa đất số 469, tờ bản đồ số 13, Đường Quốc Lộ N2, ấp 3, Xã Tân Long, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
DẦU TRÀM CON YÊU
SỐ: 2027/20/CBMP-LA

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

- Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân,...)
Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc)
- Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hóa học)
Face masks (with the exception of chemical peeling products)
- Các chất phủ màu (lông, nhão, bột)
Tinted bases (liquids, pastes, powders)
- Các phần trang điểm, phần dùng sau khi tắm, bột vệ sinh,...
Make-up powders, after-bath powder, hygienic powders, etc.
- Xà phòng tắm, xà phòng khử mùi,
Toilet soaps, deodorant soaps, etc
- Nước hoa, nước thơm dùng vệ sinh,...
Perfumes, toilet waters and eau de Cologne
- Các sản phẩm để tắm hoặc gội (muối, xà phòng, dầu, gel,...)
Bath or shower preparations (salts, foams, oils, gels, etc)
- Sản phẩm tẩy lông
Depilatories
- Chất khử mùi và chống mùi
Deodorants and anti-perspirants
- Các sản phẩm chăm sóc tóc
Hair care products
 - Nhuộm và tẩy tóc
Hair tints and bleaches
 - Thuốc uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc
Products for waving, straightening and fixing
 - Các sản phẩm định dạng tóc
Setting products
 - Các sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội)
Cleansing products (lotions, powders, shampoos)
 - Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu)
Conditioning products (lotions, creams, oils)
 - Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp)
Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)
- Sản phẩm dùng cạo râu (kem, xà phòng, sữa,...)
Shaving product (creams, foams, lotions, etc)

- Các sản phẩm trang điểm và tẩy trang dùng cho mặt và mắt
Products for making-up and removing make-up from the face and the eyes
- Các sản phẩm dùng cho môi
Products intended for application to the lips
- Các sản phẩm để chăm sóc răng và miệng
Products for care of the teeth and the mouth
- Các sản phẩm dùng để chăm sóc và tô điểm cho móng tay, móng chân
Products for nail care and make-up
- Các sản phẩm dùng để vệ sinh bên ngoài
Products for external intimate hygiene
- Các sản phẩm chống nắng
Sunbathing products
- Sản phẩm làm sạm da mà không cần tắm nắng
Products for tanning without sun
- Sản phẩm làm trắng da
Skin whitening products
- Sản phẩm chống nhăn da
Anti-wrinkle products
- Sản phẩm khác (đề nghị ghi rõ)
Others (please specify)

3. Mục đích sử dụng (Intended use)

- Tạo ra mùi thơm.
- Làm dịu da.

4. Dạng trình bày (Product presentation(s))

- Dạng đơn lẻ (Single product)
- Một nhóm các màu (A range of colours)
- Bảng các màu trong một dạng sản phẩm (Palette(s) in a range of one product type)
- Các sản phẩm phối hợp trong một bộ sản phẩm (Combination products in a single kit)
- Các dạng khác (đề nghị ghi rõ). Others (please specify)

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY SẢN XUẤT/ĐÓNG GÓI/XUẤT KHẨU

(Đề nghị đính kèm danh sách riêng nếu như có nhiều hơn một công ty sản xuất/ đóng gói để tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh)

PARTICULARS OF MANUFACTURER(S)/ASSEMBLER(S)/EXPORTER

(Please attach in a separate sheet if there are more than one manufacturer/assembler)

5. Tên nhà sản xuất (Name of manufacturer):

C	H	I		N	H	Á	N	H		C	Ô	N	G		T	Y		T	N	H	H		T	H	U	Ơ	N	G
M	À	I		S	Ả	N		X	U	Á	T		P	U	R	E												

Địa chỉ nhà sản xuất (Nước sản xuất) (Address of manufacturer (state country)):

T	H	Ũ	A		Đ	Á	T		S	Ó		4	6	9	,		T	Ờ		B	Ả	N		Đ	Ò			
S	Ó		1	3	,		Đ	U	Ờ	N	G		Q	U	Ó	C		L	Ộ		N	2	,	Á	P		3	
X	Ã		T	Â	N		L	O	N	G	,		H	U	Y	Ệ	N		T	H	Ũ		T	H	Ũ	A	,	
T	Ĩ	N	H		L	O	N	G		A	N	,		V	I	Ệ	T		N	A	M							
C	o	u	n	t	r	y		V	I	Ệ	T		N	A	M													

Tel: Fax:

6. Tên công ty đóng gói (đề nghị đánh dấu vào mục thích hợp. Có thể đánh dấu nhiều hơn 01 ô (Name of assembler (Please tick accordingly. May tick more than one box)):

- Đóng gói chính Đóng gói thứ cấp
Primary assembler *Secondary assembler*

C	H	I		N	H	Á	N	H		C	Ô	N	G		T	Y		T	N	H	H		T	H	U	Ơ	N	G
M	À	I		S	Ả	N		X	U	Á	T		P	U	R	E												

Địa chỉ của công ty đóng gói (Address of assembler (state country)):

T	H	Ũ	A		Đ	Á	T		S	Ó		4	6	9	,		T	Ờ		B	Ả	N		Đ	Ò			
S	Ó		1	3	,		Đ	U	Ờ	N	G		Q	U	Ó	C		L	Ộ		N	2	,	Á	P		3	
X	Ã		T	Â	N		L	O	N	G	,		H	U	Y	Ệ	N		T	H	Ũ		T	H	Ũ	A	,	
T	Ĩ	N	H		L	O	N	G		A	N	,		V	I	Ệ	T		N	A	M							
C	o	u	n	t	r	y		V	I	Ệ	T		N	A	M													

Tel: Fax:

7. Tên công ty xuất khẩu (Đề nghị đánh dấu vào mục thích hợp, Chi áp dụng đối với sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu) (Name of exporter (Please tick accordingly. Only apply to imported cosmetic products)):

Sản phẩm mỹ phẩm được lưu hành tự do tại nước xuất khẩu: Có/Yes Không/No (Cosmetic product(s) are free sold in the exporting country)

C	H	I	N	H	Á	N	H	C	Ô	N	G	T	Y	T	N	H	H	T	H	U	Ơ	N	G
M	Ạ	I	S	Ả	N	X	U	Á	T	P	U	R	E										

Địa chỉ của công ty xuất khẩu (Address of exporter (state country)):

T	H	Ủ	A	Đ	Á	T	S	Ó	4	6	9	,	T	Ờ	B	Ã	N	Đ	Ò				
S	Ó	1	3	,	Đ	U	Ờ	N	G	Q	U	Ó	C	L	Ộ	N	2	,	Á	P	3		
X	Ã	T	Ã	N	L	O	N	G	,	H	U	Y	Ệ	N	T	H	Ủ	T	H	Ủ	A	,	
T	Ĩ	N	H	L	O	N	G	A	N	,	V	I	Ệ	T	N	A	M						
C	o	u	n	t	r	y	V	I	Ệ	T	N	A	M										

Tel: Fax:

**THÔNG TIN VỀ TÒ CHỨC, CÁ NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM
ĐƯA SẢN PHẨM MỸ PHẨM RA THỊ TRƯỜNG
PARTICULARS OF LOCAL COMPANY RESPONSIBLE FOR PLACING
THE COSMETIC PRODUCT IN THE MARKET**

8. Tên công ty (Name of company):

C	H	I	N	H	Á	N	H	C	Ô	N	G	T	Y	T	N	H	H	T	H	U	Ơ	N	G
M	Ạ	I	S	Ả	N	X	U	Á	T	P	U	R	E										

Địa chỉ công ty (Address of company):

T	H	Ủ	A	Đ	Á	T	S	Ó	4	6	9	,	T	Ờ	B	Ã	N	Đ	Ò				
S	Ó	1	3	,	Đ	U	Ờ	N	G	Q	U	Ó	C	L	Ộ	N	2	,	Á	P	3		
X	Ã	T	Ã	N	L	O	N	G	,	H	U	Y	Ệ	N	T	H	Ủ	T	H	Ủ	A	,	
T	Ĩ	N	H	L	O	N	G	A	N	,	V	I	Ệ	T	N	A	M						
C	o	u	n	t	r	y	V	I	Ệ	T	N	A	M										

Tel: Fax:

Số giấy phép kinh doanh/Số giấy phép hoạt động
Business Registration Number/License to Operate Number

0	3	1	3	9	9	1	0	5	2	-	0	0	1									
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**DANH SÁCH THÀNH PHẦN
PRODUCT INGREDIENT LIST**

11. Đề nghị kiểm tra ô sau đây (Please check the following boxes)

Tôi đã kiểm tra bản sửa đổi từ Phụ lục II đến Phụ lục VII của danh mục các thành phần mỹ phẩm ASEAN như được công bố trên bản sửa đổi gần đây nhất của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN. Tôi xin xác nhận rằng sản phẩm được đề cập đến trong bản công bố này không chứa bất cứ một thành phần bị cấm nào và cũng tuân thủ với danh mục hạn chế và các điều kiện quy định trong các phụ lục.

I have examined the latest revisions of the Annexes II to VII of the ASEAN Cosmetic Ingredient Listing as published in the latest amendment of the ASEAN Cosmetic Directive and confirmed that the product in this notification does not contain any prohibited substances and is in compliance with the restrictions and conditions stipulated in the Annexes.

Tôi đảm nhận trách nhiệm trả lời và hợp tác toàn diện với cơ quan có thẩm quyền về bất kỳ hoạt động kiểm soát sau khi bán hàng khi có yêu cầu bởi cơ quan có thẩm quyền.

I undertake to respond to and cooperate fully with the regulatory authority with regard to any subsequent post-marketing activity initiated by the authority.

Danh sách thành phần đầy đủ (product full ingredient list)

(Yêu cầu ghi đầy đủ danh sách tất cả các thành phần và tỉ lệ % của những chất có giới hạn về nồng độ, hàm lượng sử dụng trong mỹ phẩm - To submit ingredient list with percentages of restricted ingredients)

No	Tên đầy đủ thành phần (tên danh pháp quốc tế hoặc sử dụng tên khoa học chuẩn đã được công nhận) <i>Full Ingredient name (use INCI or approved nomenclature in standard references)</i>	Tỉ lệ % của những chất có giới hạn về nồng độ, hàm lượng
1	Tinh dầu tràm gió (<i>Melaleuca quinquenervia</i> Essential Oil)	

Cam kết (DECLARATION)

1. Thay mặt cho công ty, tôi xin cam kết sản phẩm được đề cập trong Phiếu công bố này đạt được tất cả các yêu cầu của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN và các phụ lục của nó.

I hereby declare on behalf of my company that the product in the notification meets all the requirements of the ASEAN Cosmetic Directive, its Annexes and Appendices.

2. Tôi xin chịu trách nhiệm tuân thủ các điều khoản sau đây (I undertake to abide by the following conditions):

i. Đảm bảo có sẵn để cung cấp các thông tin kỹ thuật và tính an toàn khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và có đầy đủ hồ sơ về các sản phẩm đã được phân phối để báo cáo trong trường hợp sản phẩm phải thu hồi.

Ensure that the product's technical and safety information is made readily available to the regulatory authority concerned ("the Authority") and to keep records of the distribution of the products for product recall purposes;

ii. Phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về các tác dụng phụ nghiêm trọng gây chết người hoặc đe dọa tính mạng của sản phẩm bằng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc văn bản trước 7 ngày kể từ ngày biết thông tin.

Notify the Authority of fatal or life threatening serious adverse event¹ as soon as possible by telephone, facsimile transmission, email or in writing, and in any case, no later than 7 calendar days after first knowledge;

iii. Phải hoàn thành báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm (theo mẫu quy định) trong vòng 8 ngày làm việc kể từ ngày thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về những tác dụng phụ nghiêm trọng như đã nêu trong mục 2ii nói trên và cung cấp bất cứ thông tin nào theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Complete the Adverse Cosmetic Event Report Form² within 8 calendar days from the date of my notification to the Authority in para 2ii. above, and to provide any other information as may be requested by the Authority;

iv. Thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về các phản ứng phụ nghiêm trọng nhưng không gây chết người hoặc đe dọa đến tính mạng của sản phẩm và trong bất cứ trường hợp nào, việc báo cáo (sử dụng mẫu báo cáo) về tác dụng phụ phải được tiến hành trước 15 ngày kể từ ngày biết về tác dụng phụ này.

Report to the Authority of all other serious adverse events that are not fatal or life threatening as soon as possible, and in any case, no later than 15 calendar days after first knowledge, using the Adverse Cosmetic Event Report Form;

v. Công bố với cơ quan có thẩm quyền khi có bất cứ sự thay đổi nào trong bản công bố này.

Notify the Authority of any change in the particulars submitted in this notification;

¹ Như đã được định nghĩa rõ ràng trong tài liệu hướng dẫn cho các công ty về báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm mỹ phẩm. *As defined in the Guide Manual for the Industry on Adverse Event Reporting of Cosmetics Products*

² Trình bày trong phụ lục I trong tài liệu hướng dẫn cho các công ty về báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm mỹ phẩm.

Set out in Appendix I to the Guide Manual for the Industry on Adverse Event Reporting of Cosmetics Products

3. Tôi xin cam đoan rằng những thông tin được đưa ra trong bản công bố này là đúng sự thật. Tất cả các tài liệu, các thông tin liên quan đến nội dung công bố sẽ được cung cấp và các tài liệu đính kèm là bản hợp pháp hoặc sao y bản chính.


I declare that the particulars given in this notification are true, all data, and information of relevance in relation to the notification have been supplied and that the documents enclosed are authentic or true copies.

4. Tôi hiểu rằng tôi sẽ có trách nhiệm để đảm bảo tất cả các lô sản phẩm của chúng tôi đều đáp ứng các yêu cầu pháp luật, và tuân thủ tất cả tiêu chuẩn và chỉ tiêu sản phẩm đã được công bố với cơ quan có thẩm quyền.

I understand that I shall be responsible for ensuring that each consignment of my product continues to meet all the legal requirements, and conforms to all the standards and specifications of the product that I have declared to the Authority.

5. Tôi hiểu rằng trong trường hợp có tranh chấp pháp luật, tôi không được quyền sử dụng bản công bố sản phẩm mỹ phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận nếu sản phẩm của chúng tôi không đạt được các yêu cầu về tiêu chuẩn, chỉ tiêu mà chúng tôi đã công bố.

I understand that I cannot place reliance on the acceptance of my product notification by the authority in any legal proceedings concerning my product, in the event that my product has failed to conform to any of the standards or specifications that I had previously declared to the Authority.


Nguyễn Quốc Vũ

Tên và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty

[Name and Signature of person representing the local company]



Dấu của công ty
[Company stamp]

Ngày *[Date]*



Số/Nº: 1499/2R - K8/ 1075 /KT2-HC1

Ngày/Date of issue: 29/9/2020

Trang/Page: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample: **DẦU TRÀM CON YẾU – 100mL**
- Ký hiệu mẫu/Mark of sample:
- Số lượng mẫu/Quantity: **01**
- Tình trạng mẫu/State of sample: **Mẫu khoảng 100mL, chứa trong lọ thủy tinh**
- Khách hàng/Client: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TM SẢN XUẤT PURE**
- Địa chỉ/Address: **Quốc Lộ N2, Ấp 3, xã Tân Long, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An**
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: **16/9/2020**
- Ngày thử nghiệm/Date of testing: **từ ngày/from: 16/9/2020 đến ngày/to: 24/9/2020**
- Kết quả thử nghiệm/Test results:

TT/ Item	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ Test property, unit	PHƯƠNG PHÁP THỬ/ Test method	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ Test result
1	Hàm lượng Cineol % (w/w)	Dược điển Việt Nam, tập IV-2009	77,0
2	Hàm lượng alpha-Terpineol %	KT2.K8.TN-49/S ^(NA)	10,8

Ghi chú/Notes:

- KPH: không phát hiện/Not detectable;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi/The test results are valid only for the received sample from client;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng/The sample, mark, client and address are named by client's requirements;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/QUATEST 2 is disclaimer when the information is supplied by the customer and can affect the validity of results.
- (NA): Phép thử chưa được BoA công nhận/Test method is not accredited by BoA.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Method Quantification Limit.
- Phiếu kết quả này thay thế Phiếu kết quả số 1499/2 - K8/ 1075/KT2-HC1, ngày 24/9/2020/This Test report replace the Test report № 1499/2 - K8/ 1075/KT2-HC1, date of issue 24/9/2020.

PHỤ TRÁCH PHÒNG KỸ THUẬT 8
Head of Technical Division 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Trung

KT2.QT.30/B.05/02.04.2019



Vinacontrol
SINCE 1957

Vinacontrol HoChiMinh City
80 Ba Huyen Thanh Quan St., Dist. 3,
Ho Chi Minh City
Tel : (84.28) 39.316323 - 39.316704
Fax : (84.28) 39.316961 - 38.437861
vinahochiminh@vinacontrol.com.vn
www.vinacontrol.com. Số: 20G15TND14027-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Certificate of analysis

Đơn vị yêu cầu và gửi mẫu/ Client:	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TM SẢN XUẤT PURE		
Tên mẫu/ Sample name:	Dầu trầm Con Yêu		
Ký hiệu mẫu/ Sample ID:	Không		
Ngày nhận mẫu/ Date samples received:	01.10.2020	Ngày thử nghiệm/ Testing time:	01.10.2020
Ngày trả kết quả/ Date report:	12.10.2020		
Thời gian lưu mẫu/ Time-limit of storage:	01 tháng		

I. Tình trạng mẫu/ Sample description:

- Niêm phong/ Seal: Không/ None
- Ngoại quan/ Appearance: Dạng lỏng
- Bao gói/ Packing: Chai thành phẩm

II. Kết quả thử nghiệm/ Test results

STT/ No.	Tên chỉ tiêu thử nghiệm/ Tests	Đơn vị/ Unit	Kết quả thử nghiệm/ Results	Phương pháp thử/ Test method
1	Thử kích ứng da	-	Theo bảng dưới	PP 26.7-VS-TT2 (ISO 10993-10:2010)

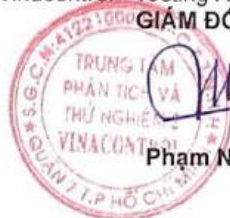
	Thỏ 1	Thỏ 2	Thỏ 3
Điểm phản ứng (Điểm ban đỏ + Điểm phù nề)/ (2 vị trí * 3 thời điểm)	0	0	0
Điểm kích ứng = Điểm phản ứng/ số thỏ thử nghiệm	0		
Đánh giá kết quả: (theo bảng 2 - ISO 10993-10:2010)	Kích ứng không đáng kể		

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT/
Technical Manager

Đoàn Thị Lý

VINACONTROL - TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ THỬ NGHIỆM 2 /
Vinacontrol - Testing And Analysis Center No. 2

GIÁM ĐỐC/ Director



Phạm Ngọc Dũng

Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, dựa vào năng lực và hiểu biết tốt nhất của chúng tôi tại thời điểm thử nghiệm. Hết thời hạn lưu mẫu, Vinacontrol không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
(*) Phép thử được công nhận VILAS(ISO/IEC 17025) ; (**) Phép thử sử dụng nhà thầu phụ ; (#) phép thử được các Bộ, ngành chỉ định;
LOD : giới hạn phát hiện, LOQ: giới hạn định lượng.
Địa chỉ PTN: Lô U 18A đường 22 KCX Tân Thuận Q7, Tp.HCM ; Tel: 028.37700922; Fax: 028.37700997. Web: lab.vinacontrol.com.vn.
Email: labvinacontrol@yahoo.com, marketing.lab.vinacontrol@gmail.com.

BM 03-QPL13-TT2

Trang 1/1



IMPROVE QUALITY, TOWARD SUCCESS

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ
Based on the Decree No 74/2018/NĐ-CP dated 15/5/2018 of the Government and the Decree No 13/2022/NĐ-CP dated 21/01/2022 of the Government

CHỨNG NHẬN

Certifying

CÔNG TY CỔ PHẦN PURE GLOBAL
PURE GLOBAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ **243 Vườn Lài, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Address **Chí Minh, Việt Nam**

được quyền sử dụng mã số sau đây:
to have right of using the following

Mã doanh nghiệp GS1
GS1 Company Prefix

893612915

Ngày hết hiệu lực:
Period of validation

07/3/2026

Số giấy chứng nhận: N027559
Registered No
Số đăng ký: 114/17
Reference No

Hà Nội, 07/3/2023
KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG
PP. DIRECTOR GENERAL
DEPUTY DIRECTOR GENERAL



Nguyễn Hoàng Linh

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU**

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ
386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Chủ đơn dưới đây yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ xem xét
đơn và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu*

DẤU NHẬN ĐƠN

(Dành cho cán bộ nhận đơn)

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE OF VIET NAM

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TP.HCM

NGÀY
DATE

11-05-2020

SỐ ĐƠN
ApI.N

4-2020-15783

**NH**

Đơn tách: Đơn này được tách ra từ đơn số:

Ngày nộp đơn.

①

NHÃN HIỆUMẫu nhãn hiệuLoại nhãn hiệu yêu cầu đăng ký

- Nhãn hiệu tập thể
 Nhãn hiệu liên kết
 Nhãn hiệu chứng nhận

Mô tả nhãn hiệu:

Màu sắc: Xanh, vàng, trắng.

Mô tả: Nhãn hiệu xin được bảo hộ tổng thể như hình bên.

Nhãn hiệu xin được bảo hộ tổng thể như hình bên.

②

CHỦ ĐƠN

(Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu)

Tên đầy đủ: Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Pure

Địa chỉ: 158/7/30 Hoàng Hoa Thám, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 683 383

Fax:

Email: congtvbanquyen@gmail.com

Ngoài chủ đơn khai tại mục này còn có những chủ đơn khác khai tại trang bổ sung

③

ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN

là người đại diện theo pháp luật của chủ đơn

là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của chủ đơn

là người khác được uỷ quyền của chủ đơn

Mã đại diện:

Tên đầy đủ: NGUYỄN QUỐC VŨ

Địa chỉ: 158/7/30 Hoàng Hoa Thám, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0903 0123 15

Fax:

Email:

Chú thích:

* Trong Tờ khai này, chủ đơn/đại diện của chủ đơn đánh dấu "x" vào ô vuông nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.


-1-

④ CHỦ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN KÝ TÊN

NGUYỄN QUỐC VŨ

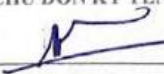
④ . YÊU CẦU HƯỞNG QUYỀN ƯU TIÊN	CHỈ DẪN VỀ ĐƠN (CÁC ĐƠN) LÀ CĂN CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH NGÀY ƯU TIÊN		
<input type="checkbox"/> Theo đơn (các đơn) đầu tiên nộp tại Việt Nam <input type="checkbox"/> Theo đơn (các đơn) nộp theo Công ước Paris <input type="checkbox"/> Theo thoả thuận khác:	Số đơn	Ngày nộp đơn	Nước nộp đơn
⑤ PHÍ, LỆ PHÍ			
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí		Số tiền
<input type="checkbox"/> Lệ phí nộp đơn	đơn		
<input type="checkbox"/> Phí phân loại quốc tế về nhãn hiệu nhóm		
<input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi) sản phẩm/dịch vụ		
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu tiên yêu cầu/đơn ưu tiên		
<input type="checkbox"/> Phí công bố đơn	đơn		
<input type="checkbox"/> Phí tra cứu phục vụ việc thẩm định đơn nhóm		
<input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi) sản phẩm/dịch vụ		
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định đơnnhóm		
<input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi) sản phẩm/dịch vụ		
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:			
Số chứng từ (trường hợp nộp qua bưu điện hoặc chuyển khoản):			

⑨ CHỦ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN KÝ TÊN


 NGUYỄN QUỐC VŨ

<p>⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</p>	<p>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn)</p>
<p><i>Tài liệu tối thiểu:</i></p>	
<p><input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm...trang x ...bản (có danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu)</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Mẫu nhãn hiệu, gồm.....mẫu</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ)</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><i>Tài liệu khác:</i></p>	
<p><input type="checkbox"/> Giấy uỷ quyền bằng tiếng</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> bản gốc</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> bản sao (<input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm trang</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận được phép sử dụng các dấu hiệu đặc biệt (biểu tượng, cờ, huy hiệu, con dấu...), gồm.....trang</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận quyền đăng ký nhãn hiệu</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận thụ hưởng quyền đăng ký từ người khác</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Quy chế sử dụng NH tập thể/chúng nhận, gồm.....trang xbản</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Bản sao đơn đầu tiên, gồm.....bản</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt, gồm.....bản</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Bản đồ khu vực địa lý</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép sử dụng địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương</p>	<p><input type="checkbox"/></p>
<p><input type="checkbox"/> Có tài liệu hỗ trợ khai tại trang bổ sung</p>	<p><input type="checkbox"/></p>

Cán bộ nhận đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

⑨ CHỦ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN KÝ TÊN

 NGUYỄN QUỐC VŨ

⑦

DANH MỤC VÀ PHÂN LOẠI HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MANG NHÃN HIỆU**

(Ghi tuần tự từng nhóm theo Bảng phân loại quốc tế về hàng hoá, dịch vụ theo Thỏa ước Ni-xơ; sử dụng dấu ";" giữa các sản phẩm, dịch vụ trong nhóm; kết thúc mỗi nhóm ghi tổng số sản phẩm/dịch vụ trong nhóm đó)

Nhóm 03 : Tinh dầu; mỹ phẩm; chất tẩy rửa;

Nhóm 05 : Dầu trầm;

Nhóm 30 : Tinh dầu dùng trong thực phẩm;

Nhóm 24 : Khẩu trang vải;

Nhóm 25 : Khẩu trang (trang phục);

⑧

MÔ TẢ TÓM TẮT ĐẶC TÍNH CỦA HÀNG HOÁ/DỊCH VỤ ĐƯỢC CHỨNG NHẬN
(đối với nhãn hiệu chứng nhận)

Nguồn gốc địa lý:

Chất lượng:

Đặc tính khác:

⑨

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

Chữ ký, họ tên chủ đơn/đại diện của chủ đơn

(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)



**Chú thích: Nếu người nộp đơn không tự phân loại hoặc phân loại không chính xác thì Cục Sở hữu trí tuệ sẽ thực hiện việc này và người nộp đơn phải nộp phí phân loại theo quy định.

UBND TỈNH LONG AN
SỞ Y TẾ

Số: 013/2020/ĐĐKSXMP-LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT MỸ PHẨM

Chứng nhận lần đầu ngày: 15 tháng 10 năm 2020.

Điều chỉnh lần thứ 1: ngày 01 tháng 03 năm 2023, lý do điều chỉnh: thay đổi tên của cơ sở sản xuất.

- Căn cứ Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm;
- Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
- Căn cứ Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2022 của UBND tỉnh Long An Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Long An;
- Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ,

SỞ Y TẾ TỈNH LONG AN CHỨNG NHẬN

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PURE GLOBAL

Địa chỉ: Thửa đất số 469, tờ bản đồ số 13, đường Quốc lộ N2, ấp 3, xã Tân Long, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm

Dây chuyền sản xuất bao gồm: Dây chuyền sản xuất sản phẩm dạng ướt, Dây chuyền đóng gói sản phẩm

Long An, ngày 01 tháng 03 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Ban hành kèm theo Quyết định số: 1425/QĐ-SYT ngày 01/03/2023.

Huỳnh Minh Phúc

SỞ Y TẾ LONG AN
CHI CỤC AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 198/2020/ATTP-CNĐK

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Chủ cơ sở: **NGUYỄN QUỐC VŨ.**

Tên cơ sở: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT PURE.**

Địa chỉ: **Thửa đất số 469, tờ bản đồ số 13, đường Quốc lộ N2, ấp 3, xã Tân Long,
huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
SẢN XUẤT TINH DẦU, NƯỚC THƠM DÙNG CHO THỰC PHẨM**

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KÈ TỪ NGÀY KÝ

Long An, ngày 18 tháng 11 năm 2020

CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Đoàn Thanh Chiến

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0313991052-001

Đăng ký lần đầu, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 14 tháng 02 năm 2023

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PURE GLOBAL

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Thửa đất số 469, tờ bản đồ số 13, Đường Quốc Lộ N2, Ấp 3, Xã Tân Long, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 0903 015 315

Fax:

Email: sale@dautramconyeu.com

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN QUỐC VŨ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/08/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 056084000187

Ngày cấp: 29/08/2019

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành
Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 12 Đường 591, tổ 1, Khu phố 5, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 158/7/30 Hoàng Hoa Thám, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN PURE GLOBAL

Mã số doanh nghiệp: 0313991052

Địa chỉ trụ sở chính: 243 Vườn Lài, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH LONG AN

Phan Thành Kiệt